

BẢN TIN

Về tình hình dịch bệnh và các biện pháp phòng,
chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc
(Tính đến 15h00' ngày 20/01/2022)

I. THÔNG TIN CẬP NHẬT VỀ TÌNH HÌNH DỊCH BỆNH

1. Tại Việt Nam

- Tính đến 14h00' ngày 20/01/2022, ghi nhận 2.078.087 trường hợp dương tính với SARS-CoV-2, trong đó: 1.789.188 điều trị khỏi, 230.322 đang điều trị, 36.117 tử vong (tăng 142 trường hợp).

- Tổng số ca lây nhiễm COVID-19 trong nước tính từ ngày 27/4/2021 đến nay có 2.049.219 trường hợp (tăng 15.936 trường hợp).

- Tổng hợp đánh giá cấp độ dịch tại các địa phương theo Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ và Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế: <https://capdodich.yte.gov.vn/map>.

2. Tại tỉnh Vĩnh Phúc

2.1. Tổng số ca mắc COVID-19: 7.106 ca (tăng 270), trong đó:

- Ghi nhận tại tỉnh: 7.092 ca, tăng 270 ca (08 khu cách ly; 176 cộng đồng; 86 cách ly tại nhà, khu phong tỏa (*Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm*)).

- Nhập cảnh cách ly y tế tại tỉnh: **14** trường hợp.

2.2. Tình hình điều trị: 2.647 bệnh nhân (*Chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm*). Số bệnh nhân đã được điều trị khỏi: 4.452 bệnh nhân (tăng 147). Số bệnh nhân tử vong: 07 bệnh nhân.

3. Tổng số trường hợp đã được giám sát y tế: lũy tích 76.119 người.

- Số F1 đang cách ly: 6.406 người (cách ly tập trung: 363); lũy tích: 32.624 người (tăng 755).

- Số trở về từ các vùng có dịch của các tỉnh/thành phố khác từ ngày 22/6/2021 đến nay: 35.476 trường hợp (tăng 158) tại các tỉnh/thành phố: TPHCM (5.518), Hà Nội (14.073), Đồng Nai (446), Bình Dương (617), Phú Thọ (9.171) và các vùng có dịch khác (5.648). Số trường hợp đã lấy mẫu xét nghiệm 66.531 (dương tính: 510, âm tính: 66.009, chờ kết quả: 12).

- Đang cách ly y tế tập trung: 2.812 trường hợp.

- Đang cách ly y tế tại nhà: 4.990 trường hợp.

4. Tình hình xét nghiệm sàng lọc SARS-CoV-2 trên địa bàn tỉnh (từ ngày 30/4/2021 đến nay):

4.1. Tổng số mẫu được lấy xét nghiệm trong ngày: 4.432 mẫu (51 Realtime - PCR; 4.381 Test nhanh).

4.2. Tổng số mẫu xét nghiệm SARS-CoV-2 toàn tỉnh: 1.893.746 mẫu (7.106 dương tính; 1.886.615 âm tính; 25 chờ kết quả), trong đó:

- *Nhóm 1:* Đối tượng đối tượng xét nghiệm theo quy định Bộ Y tế (F0, F1, bệnh nhân có triệu chứng sốt, ho, triệu chứng cúm,...). Trong ngày: 3.417 mẫu, lũy tích: 749.398 mẫu.

- *Nhóm 2:* Đối tượng xét nghiệm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/5/2021 của HĐND tỉnh: 93.040 mẫu.

- *Nhóm 3:* Đối tượng xét nghiệm tự nguyện: 1.051.308 mẫu, trong ngày:

+ Xét nghiệm tại các doanh nghiệp: 0 mẫu, lũy tích: 446.244 mẫu.

+ Xét nghiệm cho người dân: 987 mẫu, lũy tích: 605.064 mẫu.

5. Kế hoạch triển khai tiêm vắc xin phòng COVID-19:

Tổng số vắc xin đã được nhận: **1.859.820** liều.

5.1. Kết quả tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho người từ 18 tuổi trở lên

- Tổng dân số từ 18 tuổi trở lên: 789.896 người (tính đến tháng 12/2021).

- Tổng số người đã được tiêm: 777.863 người (đạt 98,5% dân số trên 18 tuổi).

- Tổng số mũi đã được tiêm: 1.727.108 mũi (Mũi 1: 777.863; Mũi 2: 767.383, đạt 97,1% dân số trên 18 tuổi; Mũi 3 + Mũi bổ sung: 181.862, đạt 23% dân số trên 18 tuổi).

- Kết quả tiêm đợt 10: số tiêm trong ngày: 6.713 người; lũy tích: 1.296.244 mũi, đạt 94,8%.

5.2. Kết quả tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho người từ 12-17 tuổi

- Tổng số người từ 12-17 tuổi: 113.795 người (tính đến tháng 11/2021).

- Tổng số người đã được tiêm: 107.808 người (đạt 94,7 % dân số từ 12-17 tuổi)

- Tổng số mũi đã được tiêm: 198.934 người (Mũi 1: 107.808 người; Mũi 2: 91.126 người, đạt 80,1% trẻ từ 12-17 tuổi).

- Số tiêm trong ngày: 750 người

6. Khoanh vùng, cách ly xã hội: 0 địa điểm.

II. CÔNG TÁC ĐẢM BẢO

1. Các bệnh viện điều trị COVID-19:

1.1. Bệnh viện tuyến tỉnh: sẵn sàng bảo đảm điều trị cho các bệnh nhân mắc COVID-19, dự kiến: 544 người.

1.2. Bệnh viện tuyến huyện: sẵn sàng các cơ sở điều trị cho các bệnh nhân mắc COVID-19 tại 9 huyện/thành phố với quy mô 50 giường/huyện (tổng 450 giường).

2. Các khu cách ly tập trung:

2.1. Thực trạng vận hành các cơ sở cách ly hiện có: tổng số cơ sở đang có các trường hợp thực hiện cách ly: 30 cơ sở.

2.2. Phương án nâng cấp/bổ sung thêm các cơ sở cách ly mới: sẵn sàng các địa điểm cách ly y tế tập trung trên địa bàn tỉnh dự kiến có thể tiếp nhận 20.000 công dân.

3. Công tác đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh:

3.1. Công tác quản lý xuất nhập cảnh, hoạt động của người nước ngoài:

Trong ngày, có 03 người nước ngoài (quốc tịch Hàn Quốc 01, Nhật Bản 02) đến khai báo tạm trú trên địa bàn tỉnh với mục đích công tác. Hiện, toàn tỉnh có tổng số

2.987 người nước ngoài cư trú, hoạt động, cách ly tại 290 cơ quan, doanh nghiệp, trường học.

3.2. Công tác kiểm tra, xử lý vi phạm liên quan đến phòng, chống dịch:

Lực lượng Công an kiểm tra công tác phòng, chống dịch tại 05 cơ sở kinh doanh, lưu trú; chưa phát hiện cơ sở vi phạm. Tham mưu ra quyết định xử phạt 01 trường hợp số tiền 10.000.000đ về hành vi không thực hiện quyết định biện pháp hạn chế tập trung đông người (Tam Đảo), 03 trường hợp số tiền 3.000.000đ về hành vi không đeo khẩu trang nơi công cộng (Yên Lạc).

Lũy kế từ ngày 01/5/2021 đến nay, lực lượng Công an Vĩnh Phúc ra quyết định xử phạt hoặc đề nghị xử phạt 4.089 trường hợp số tiền 8.631.500.000 đồng.

III. CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG DỊCH ĐÃ VÀ ĐANG TRIỂN KHAI

Trước tình hình dịch bệnh COVID-19 trên cả nước tiếp tục diễn biến rất phức tạp, hàng ngày số ca mắc có xu hướng tăng nhanh. Đặc biệt, thành phố Hà Nội trung bình gần 3.000 ca mắc mỗi ngày, các tỉnh giáp với Hà Nội như Hưng Yên, Bắc Ninh trung bình gần 400 ca mắc mỗi ngày,.. Hàng ngày, dòng người di chuyển từ thành phố Hà Nội về Vĩnh Phúc với số lượng lớn, dẫn tới nguy cơ cao dịch bệnh tiếp tục xâm nhập vào các cơ sở sản xuất kinh doanh (CSSXKD) trên địa bàn tỉnh, chỉ tính từ ngày 01/01 đến ngày 12/01/2022 toàn tỉnh đã ghi nhận gần 170 ca dương tính với SARS-CoV-2 có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp với người trở về từ Hà Nội.

Để thực hiện tốt việc bảo vệ sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn, đồng thời bảo đảm thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị trong quá trình tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 đối với người được phép nhập cảnh vào Việt Nam làm việc ngắn ngày (dưới 14 ngày); Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 ban hành (i) Văn bản số 309/CV-BCĐ ngày 13/01/2022 V/v tiếp tục tăng cường thực hiện các biện pháp ***cấp bách, tạm thời*** để phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tại các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh; (ii) Văn bản số 207/CV-BCĐ ngày 10/01/2022 hướng dẫn công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 đối với người được phép nhập cảnh vào Việt Nam làm việc ngắn ngày (dưới 14 ngày) trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc và (iii) Văn bản số 229/CV-BCĐ ngày 11/01/2022 chỉ đạo tăng cường thực hiện đợt cao điểm phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trước, trong và sau Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022. Cụ thể:

1. Tại Văn bản số 309/CV-BCĐ ngày 13/01/2022 (*gửi kèm theo TCBC này*), Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tỉnh yêu cầu Công an tỉnh, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương, UBND các huyện, thành phố thực hiện một số nội dung sau:

1.1. Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và yêu cầu các CSSXKD thuộc thẩm quyền quản lý tự thực hiện việc đánh giá nguy cơ lây nhiễm (NCLN) tối thiểu 1 tuần/lần để áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19. Tuân thủ thực hiện xét nghiệm luân phiên mẫu gộp cho **từ 05-20% người lao động/1 tuần (5% tương ứng với NCLN thấp, 10% tương ứng với NCLN trung bình, 15% tương ứng với NCLN cao, 20% tương ứng với NCLN rất cao)** và khuyến khích hàng ngày ***tạm thời*** thực hiện xét nghiệm sàng lọc mẫu gộp cho 100% người lao động ngoại tỉnh thuộc các tỉnh, thành phố đang có số ca

mắc cao như thành phố Hà Nội, tỉnh Bắc Ninh,... trước khi vào làm việc tại CSSXKD để đảm bảo an toàn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Yêu cầu tuân thủ tối đa việc thực hiện giãn cách trong cơ sở sản xuất, kinh doanh; đối với CSSXKD có tổ chức ăn cho NLĐ cần phải chia thành nhiều phòng ăn nhỏ, có vách ăn tại các bàn ăn, chia nhỏ số lượng người ăn trong một ca, đồng thời không sử dụng điều hòa và đảm bảo lưu thông không khí theo một chiều trong khu vực nhà ăn, nơi sinh hoạt chung.

1.2. Khuyến khích các CSSXKD thực hiện xét nghiệm Test nhanh kháng nguyên cho 100% người lao động sau khi kết thúc đợt nghỉ Lễ, Tết, để đảm bảo 100% người lao động có kết quả âm tính với SARS-CoV-2 mới được vào làm việc, để đảm bảo an toàn, hiệu quả, tiết kiệm tránh nguy cơ dịch bệnh xâm nhập và lây lan dịch bệnh trong CSSXKD.

1.3. Yêu cầu chủ CSSXKD kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19, Tổ an toàn covid của doanh nghiệp thực hiện nghiêm việc kiểm soát người lao động trong đơn vị mình, đặc biệt thực hiện triệt để việc khai báo y tế để thực hiện xét nghiệm và áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch phù hợp.

1.4. Trường hợp xét nghiệm tầm soát định kỳ cho kết quả dương tính với SARS-CoV-2, yêu cầu CSSXKD thực hiện cách ly y tế tạm thời trường hợp dương tính theo quy định, đồng thời báo cáo ngay với Cơ quan quản lý trực tiếp, chính quyền địa phương nơi CSSXKD đóng trên địa bàn để thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 theo quy định.

1.5. Tuân thủ các biện pháp phòng, chống dịch khác theo quy định của Ban Chỉ đạo Quốc gia, Bộ Y tế, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tỉnh, Sở Y tế.

*** Văn bản cũng Áp dụng với các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tại cơ sở sản xuất, kinh doanh khi có ca nhiễm COVID-19**

- Kích hoạt ngay các phương án phòng, chống dịch khi có trường hợp mắc COVID-19 đã được xây dựng theo quy định.

+ Quyết định phong tỏa tạm thời toàn bộ CSSXKD hoặc từng phân xưởng/dây chuyền sản xuất/tổ sản xuất/khu vực sản xuất/vị trí làm việc có trường hợp mắc bệnh (F0) đến khi thực hiện bóc tác được F0 ra khỏi CSSXKD để chăm sóc, điều trị và cách ly các trường hợp liên quan theo quy định và tình hình thực tế dịch bệnh tại CSSXKD.

+ Cách ly các trường hợp F0 tại chỗ tại CSSXKD, KCN và thông báo ngay cho cơ quan y tế để chuyển cách ly, điều trị và thực hiện khoanh vùng, khử khuẩn theo quy định.

+ Thông báo cho toàn thể người lao động (NLĐ) đang có mặt tại CSSXKD; yêu cầu NLĐ nghiêm túc khai báo y tế, thực hiện 5K, phân xưởng nào ở yên phân xưởng đó; không để xảy ra hoang mang, lo lắng với NLĐ.

+ Lập danh sách NLĐ là F1, các trường hợp khác không có mặt tại CSSXKD gửi Trung tâm Y tế cấp huyện/Ban Chỉ đạo cấp xã nơi NLĐ đang lưu trú, cơ quan quản lý trực tiếp để xử trí theo quy định, đồng thời phối hợp với cơ quan y tế thông

báo cho các đối tượng này ở yên tại nhà/nơi lưu trú, khai báo y tế và thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo yêu cầu của cơ quan y tế.

+ Đảm bảo 100% người lao động tại CSSXKD trước khi vào làm việc phải không nhiễm COVID-19. Yêu cầu người lao động thực hiện nghiêm nguyên tắc **“1 cung đường, 2 điểm đến”** đến khi bóc tách được hết F0 ra khỏi CSSXKD, báo cáo với Tổ Covid cộng đồng, Tổ liên gia tự quản, chính quyền địa phương nơi cư trú về nơi làm việc của mình.

- Thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng Test nhanh kháng nguyên (mẫu gộp) cho 100% NLĐ trong CSSXKD để nhanh chóng bóc tách người nhiễm COVID-19 ra khỏi CSSXKD để được chăm sóc, điều trị. Trên cơ sở kết quả xét nghiệm SARS-CoV-2 sẽ quyết định các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 một cách phù hợp theo hướng dẫn chuyên môn của cơ quan y tế.

- Trường hợp CSSXKD tiếp tục được phép hoạt động, thì nên cần tổ chức xét nghiệm Test nhanh kháng nguyên (*mẫu gộp*) trước khi vào làm việc cho 100% NLĐ của CSSXKD liên tiếp trong 07 ngày đầu, tiếp tục xét nghiệm 07 ngày tiếp theo vào ngày thứ 03, thứ 07; đảm bảo 100% NLĐ khi vào làm việc cần có kết quả xét nghiệm âm tính với SARS-CoV-2 nhằm không để dịch bệnh lây lan, bùng phát trong CSSXKD (***khi dịch bệnh lây lan, bùng phát trong CSSXKD có thể sẽ bị đóng cửa hoạt động để thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 theo quy định sẽ gây ra thiệt hại lớn về kinh tế cho CSSXKD***).

- Kết thúc 14 ngày thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2, CSSXKD căn cứ diễn biến tình hình dịch COVID-19 để triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 theo quy định; đồng thời tuân thủ thực hiện xét nghiệm sàng lọc SARS-CoV-2 bằng Test nhanh kháng nguyên mẫu gộp định kỳ từ 05-20% NLĐ/1 tuần theo quy định.

2. Tại Văn bản số 229/CV-BCĐ ngày 11/01/2022 (*gửi kèm theo TCBC này*), Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tỉnh đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, UBND các huyện, thành phố khẩn trương thực hiện quyết liệt một số nội dung sau:

2.1. Yêu cầu cán bộ công chức, viên chức, người lao động không đi ra ngoài tỉnh và đến khu vực có nguy cơ cao khi không thực sự cần thiết. Trường hợp do nhu cầu phải di chuyển, yêu cầu thực hiện nghiêm 5K, đồng thời trước khi trở về tỉnh phải thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2 cho kết quả âm tính mới được vào cơ quan làm việc và trở về với gia đình.

2.2. Đối với người đến/về Vĩnh Phúc từ khu vực nguy cơ cao, các tỉnh, thành phố khác, đặc biệt là thành phố Hà Nội:

- Khi đến liên hệ công tác, làm việc, giao dịch cần thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng Test nhanh kháng nguyên cho kết quả âm tính trước khi vào đơn vị, doanh nghiệp để đảm bảo sức khỏe cho bản thân, đồng nghiệp và đối tác.

Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp luôn chuẩn bị sẵn cơ sở kit test thử nhanh tại cơ quan để tạo điều kiện tối đa cho khách phải kiểm tra, đảm bảo an toàn trước khi vào làm việc.

- Yêu cầu người dân liên hệ với UBND cấp xã nơi cư trú để khai báo y tế và ***vận động người dân tự thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng Test nhanh kháng nguyên, cho kết quả âm tính trước trở về để đảm bảo sức khỏe cho bản thân, gia đình, hàng xóm và cộng đồng.*** Các trường hợp không tuân thủ thực hiện, nếu để lây lan dịch bệnh ra cộng đồng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chủ tịch UBND cấp huyện hướng dẫn, quy định các điểm xét nghiệm công cộng tại từng địa phương (xã, phường, thị trấn).

2.3. Nghiêm cấm tổ chức ăn uống, hội họp, gặp mặt, liên hoan cuối năm, tổ chức mừng thọ, mừng xuân đông người dịp trước, trong và sau Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022. Yêu cầu UBND cấp xã, Tổ Covid cộng đồng, Tổ liên gia tự quản giám sát việc thực hiện theo quy định. Kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Đảm bảo làng giữ làng, xã giữ xã, huyện giữ huyện, cơ quan giữ cơ quan, doanh nghiệp giữ doanh nghiệp... để thực hiện phòng, chống dịch bệnh COVID-19 và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân.

2.4. Tham gia tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 đủ số mũi khi có thông báo. Trường hợp chưa được tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 yêu cầu liên hệ và đăng ký với UBND/Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 nơi lưu trú để được hướng dẫn và tổ chức tiêm theo quy định.

2.5. Yêu cầu toàn thể người dân trên địa bàn tỉnh tăng cường giám sát, thông tin tố giác các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về phòng, chống dịch bệnh COVID-19 để bảo vệ sức khỏe cho bản thân, gia đình, hàng xóm và cộng đồng.

2.6. Mọi vướng mắc liên hệ với Trung tâm chỉ huy tỉnh và Trung tâm chỉ huy các huyện, thành phố, cụ thể:

STT	Trung tâm chỉ huy tỉnh và các huyện, thành phố	Số điện thoại đường dây nóng Trung tâm chỉ huy phòng, chống dịch COVID-19
	TỈNH VINH PHÚC	02113.858.858/ 0854325858
I	THÀNH PHỐ VINH YÊN	0858.513.365
II	THÀNH PHỐ PHÚC YÊN	02113.520.678/ 0911.221.718
III	HUYỆN LẬP THẠCH	02113 666 021/ 0332 441.633
IV	HUYỆN TAM DƯƠNG	02113.895.429/ 0857.310.978
V	HUYỆN TAM ĐẢO	02113.686.369/ 0877205138
VI	HUYỆN BÌNH XUYỀN	02113.503.688/ 0886.016.120
VII	HUYỆN YÊN LẠC	02113.836.002/ 0379.969.778
VIII	HUYỆN VINH TƯỜNG	02116.283.686/ 0982.623.466
IX	HUYỆN SÔNG LÔ	02113.666.000/ 0966759989

3. Tại Văn bản số 207/CV-BCĐ ngày 10/01/2022 (gửi kèm theo TCBC này), Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tỉnh quy định, hướng dẫn cụ thể về mục đích; đối tượng áp dụng; nguyên tắc áp dụng; các yêu cầu phòng, chống dịch

COVID-19 cụ thể (1) đối với người nhập cảnh không phải mục đích ngoại giao công vụ; và (2) đối với người nhập cảnh với mục đích ngoại giao, công vụ. Đồng thời, phân công nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể cho các sở, ngành, địa phương; cơ quan, tổ chức mời/đề xuất người nhập cảnh; trách nhiệm của người nhập cảnh ngăn ngừa; trách nhiệm của người tiếp xúc gần với người nhập cảnh ngăn ngừa trong thời gian lưu trú tại Việt Nam; trách nhiệm của đơn vị quản lý địa điểm họp, ký kết, nơi làm việc, địa điểm thực địa./.

Nơi nhận:

- TTTU, TT HỘND, UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ PCD COVID-19 tỉnh; (B/c);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Huyện ủy, UBND các huyện, thành phố; (Đề P/h chỉ đạo);
- Báo VP, Đài PTTH, Cổng TTGTĐT tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị có trang thông tin điện tử; (Đề tuyên truyền);
- Phòng VH&TT; TT VH&TT các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- GD, các PGD;
- Lưu: VT, TTBCXB.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đỗ Hữu Vinh

Phụ lục 1:
DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP GHI NHẬN MẮC COVID-19 TRONG NGÀY
(Ban hành kèm theo Bản tin ngày 20/01/2022 của Sở TT&TT)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
1	Â.T.LINH	2002	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
2	L.V.TÔN	1989	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
3	L.T.THƯƠNG	1992	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
4	N.N.DUYÊN	2016	Nữ	TT. Hương Canh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
5	T.T.DUNG	1991	Nữ	TT. Hương Canh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
6	H.T.TÍNH	1980	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
7	N.H.QUÝ	1998	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
8	T.T.HƯƠNG	1998	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
9	Đ.T.HÒA	1985	Nữ	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
10	T.V.SƠN	1995	Nam	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
11	T.T.LÀNH	2001	Nữ	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
12	N.P.Q.NHU	2002	Nữ	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
13	D.T.CHÁT	1963	Nữ	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
14	H.T.SEN	2000	Nữ	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
15	C.T.TUYỀN	1994	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
16	Đ.Q.TUẤN	1981	Nam	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
17	N.Đ.KHOA	2002	Nam	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
18	T.T.ĐỨC	2003	Nam	Trung Mỹ	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
19	L.C.HIẾU	2001	Nam	Hương Sơn	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
20	N.V.KHANG	1999	Nam	Hương Sơn	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
21	N.Q.VIỆT	1993	Nam	Hương Sơn	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
22	N.T.DUYÊN	1993	Nữ	TT. Gia Khánh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
23	N.N.M.TRANG	2014	Nữ	TT. Gia Khánh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
24	T.T.ĐẠT	1994	Nữ	TT. Gia Khánh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
25	N.C.THÀNH	2021	Nam	TT. Gia Khánh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
26	N.T.ANH	1996	Nữ	Sơn Lôi	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
27	N.T.HIỀN	1981	Nữ	Sơn Lôi	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
28	N.T.TUYẾT	2003	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
29	Đ.T.H.VÂN	1979	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
30	T.T.NGUYỆT	1994	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
31	L.V.THẮNG	1993	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
32	N.Đ.HÙNG	1993	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
33	K.V.DƯƠNG	2003	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
34	Đ.V.CHANH	1985	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
35	L.V.MẠNH	1997	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
36	N.T.T.LUU	1976	Nữ	Tân Phong	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
37	T.Q.KHÁNH	2002	Nam	Tân Phong	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
38	N.D.LONG	2014	Nam	Tân Phong	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
39	N.T.CHANG	1992	Nữ	Phú Xuân	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
40	N.T.THẢO	2012	Nữ	Phú Xuân	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
41	N.T.T.NINH	2014	Nữ	Phú Xuân	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
42	N.T.MY	2017	Nữ	Phú Xuân	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
43	Đ.V.THỎA	1966	Nam	TT. Thanh Lãng	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
44	L.B.NGOC	2016	Nữ	TT. Thanh Lãng	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
45	N.D.NINH	1982	Nam	TT. Thanh Lãng	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
46	L.T.T.HÀ	1981	Nữ	TT. Thanh Lãng	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
47	A.V.HIỆP	1974	Nam	Son Lôi	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
48	N.T.M.NGUYỆT	1967	Nữ	Tam Hợp	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
49	N.T.THẢO	1981	Nữ	Tam Hợp	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
50	D.C.LONG	2013	Nam	Tam Hợp	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
51	D.C.TRƯỜNG	1974	Nam	Tam Hợp	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
52	L.Q.ĐÔNG	1960	Nam	Tam Hợp	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
53	T.Đ.GIANG	1958	Nam	Tam Hợp	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
54	H.T.HẰNG	1981	Nữ	Tam Hợp	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
55	M.V.NGHỊ	1986	Nam	Tam Hợp	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
56	Đ.T.XOAN	1985	Nữ	Tam Hợp	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
57	N.T.MẠNH	2003	Nam	Tam Hợp	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
58	L.T.JU	1974	Nam	TT. Hương Canh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
59	N.V.VŨ	2003	Nam	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
60	L.T.ANH	1999	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
61	L.V.THẮNG	1999	Nam	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
62	L.C.ĐỨC	1994	Nam	Trung Mỹ	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
63	H.M.GIÁP	1992	Nam	Trung Mỹ	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
64	L.T.HÀ	1982	Nữ	Trung Mỹ	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
65	T.V.THANH	1972	Nam	Trung Mỹ	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
66	Đ.V.THIỆU	1997	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
67	H.T.HUỆ	2000	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
68	L.V.KHÁNH	1999	Nam	TT. Đạo Đức	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
69	B.T.QUỲNH	1990	Nữ	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
70	T.V.HIỆU	1998	Nam	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
71	T.T.K.CHINH	1990	Nữ	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
72	L.V.QUANG	1990	Nam	TT. Thanh Lãng	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
73	D.K.NHI	2019	Nam	TT. Thanh Lãng	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
74	N.K.LY	2008	Nữ	TT. Thanh Lãng	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
75	N.T.M.LAN	1993	Nữ	TT. Thanh Lãng	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
76	N.D.MINH	2011	Nam	TT. Thanh Lãng	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
77	L.T.QUỲNH	1992	Nữ	TT. Đạo Đức	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
78	N.T.MẠNH	1996	Nam	TT. Đạo Đức	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
79	B.T.DUNG	1986	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
80	T.M.HỢP	2001	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
81	N.T.DƯƠNG	1994	Nữ	TT. Hương Canh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
82	B.M.HÒA	2002	Nam	Trung Mỹ	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
83	L.T.THÀNH	1987	Nữ	Trung Mỹ	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
84	T.H.LONG	1991	Nam	Tam Hợp	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
85	H.V.TOÀN	1998	Nam	TT. Đạo Đức	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
86	B.H.SƠN	1992	Nam	Sơn Đông	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
87	N.T.T.LOAN	1995	Nữ	Sơn Đông	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
88	N.T.YẾN	1995	Nữ	TT. Hoa Sơn	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
89	H.A.TÚ	2021	Nam	TT. Hoa Sơn	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
90	Đ.P.NAM	2003	Nam	Tiên Lữ	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
91	P.T.HẠNH	1981	Nữ	Đồng Ích	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
92	H.V.TUẤN	1985	Nam	Thái Hòa	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
93	V.T.THÚY	1965	Nữ	Sơn Đông	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
94	Đ.A.DŨNG	2016	Nam	Sơn Đông	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
95	L.T.HÔNG	1988	Nữ	Sơn Đông	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
96	L.T.NHUNG	1989	Nữ	Triệu Đề	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
97	Đ.T.VỸ	1986	Nữ	Liễn Sơn	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
98	L.T.PHƯƠNG	1988	Nữ	Bàn Giản	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
99	N.T.HƯƠNG	2018	Nữ	Bàn Giản	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
100	N.V.GIÁP	1986	Nam	Bàn Giản	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
101	N.Đ.CÔNG	1970	Nam	Bàn Giản	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
102	Đ.T.XUÂN	1975	Nữ	Đồng Ích	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
103	Đ.T.HẰNG	1978	Nữ	Đồng Ích	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
104	H.T.NGÂN	1973	Nữ	Bắc Bình	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
105	P.T.LAM	1986	Nữ	Hợp Lý	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
106	V.T.KHA	1982	Nữ	Liên Hòa	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
107	N.T.HẠNH	1984	Nữ	Liên Hòa	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
108	L.H.AN	2020	Nữ	Liên Hòa	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
109	V.A.KHOA	2010	Nam	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
110	N.V.CHUNG	1981	Nam	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
111	N.G.HÂN	2017	Nữ	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
112	N.T.TÍNH	1959	Nữ	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
113	V.D.MY	2017	Nữ	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
114	N.X.PHÚC	2017	Nam	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cộng đồng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
115	N.K.NGÂN	2017	Nữ	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
116	B.Đ.KHÔI	2017	Nam	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Khu phong tỏa
117	B.Đ.M.QUÂN	2017	Nam	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
118	V.L.CHI	2018	Nữ	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Khu phong tỏa
119	H.N.HÙNG	1983	Nam	Đông Quế	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
120	N.T.TÂM	2000	Nữ	Hoàng Lâu	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
121	N.Q.CHƯƠNG	1984	Nam	TT. Hợp Hòa	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
122	N.T.LAN	1975	Nữ	TT. Hợp Hòa	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
123	T.T.NGA	1986	Nữ	TT. Hợp Hòa	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
124	P.H.VIỆT	1995	Nam	Kim Long	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
125	P.T.HẬU	1975	Nữ	Đạo Tú	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
126	N.N.ÁNH	2012	Nữ	Đạo Tú	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
127	V.T.DŨNG	1986	Nam	Đạo Tú	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
128	N.Q.MINH	1994	Nam	Hướng Đạo	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
129	P.N.LAN	2019	Nữ	Hoàng Hoa	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
130	Đ.T.HÀ	1989	Nữ	Duy Tiên	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
131	L.T.TÌNH	1984	Nữ	Duy Tiên	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
132	N.V.LUÔNG	2004	Nam	Vân Hội	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
133	L.T.HÙNG	1988	Nữ	Hoàng Lâu	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
134	N.V.MẠNH	2009	Nam	Duy Tiên	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
135	N.T.BÌNH	2007	Nữ	Duy Tiên	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
136	P.T.H.GIANG	1978	Nữ	Duy Tiên	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
137	P.T.TRƯỜNG	1979	Nam	Duy Tiên	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
138	M.T.ĐẠI	2003	Nam	Minh Quang	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
139	L.T.HAI	1991	Nữ	Đạo Trù	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
140	N.N.LAN	2002	Nữ	Tam Quan	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
141	L.V.H.PHÚC	2003	Nam	TT. Hợp Châu	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
142	T.Q.SẢN	2003	Nam	TT. Hợp Châu	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
143	T.A.TÚ	2005	Nam	TT. Hợp Châu	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
144	T.T.LUÔNG	1979	Nữ	Đạo Trù	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
145	P.T.L.H.LAN	1985	Nữ	Tam Quan	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
146	H.T.THÀNH	1987	Nữ	Minh Quang	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
147	H.T.NHƯ	2005	Nữ	TT. Hợp Châu	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
148	P.N.HOA	2005	Nữ	TT. Hợp Châu	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
149	N.T.THỦY	1971	Nam	TT. Hợp Châu	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
150	L.T.DẪM	2001	Nữ	Hồ Sơn	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
151	V.T.PHƯỢNG	1986	Nữ	TT. Đại Đình	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
152	Đ.C.HẠNH	1977	Nam	TT. Tam Đảo	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
153	Ô.V.QUYẾT	1997	Nam	Đạo Trù	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
154	N.N.QUÝ	1993	Nam	Phú Đa	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
155	L.T.T.DUNG	2002	Nữ	Đại Đồng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
156	T.T.ANH	2010	Nữ	Kim Xá	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
157	K.T.QUYẾN	1978	Nữ	An Tường	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
158	T.T.HÒA	1992	Nữ	Chấn Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
159	N.T.NGA	1992	Nữ	Chấn Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
160	N.T.HUYÊN	1990	Nữ	Chấn Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
161	C.V.THỌ	1989	Nam	Việt Xuân	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
162	Đ.T.HUYÊN	1971	Nữ	Cao Đại	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
163	L.H.HIỆP	1993	Nam	Cao Đại	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
164	T.T.TÚ	1983	Nữ	Yên Bình	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
165	L.T.CHÚT	1921	Nữ	Lũng Hòa	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
166	H.A.TUẤN	1985	Nam	Vĩnh Thịnh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
167	H.T.CHÚC	2013	Nam	Vĩnh Thịnh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
168	H.H.TRANG	2010	Nữ	Vĩnh Thịnh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
169	H.A.HÀO	2016	Nam	Vĩnh Thịnh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
170	T.T.HIỀN	1994	Nữ	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
171	N.T.VƯỜN	1952	Nữ	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
172	N.N.VY	2018	Nữ	TT. Thổ Tang	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
173	N.T.TÙNG	2021	Nam	TT. Thổ Tang	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
174	Đ.T.ĐỊNH	1972	Nữ	TT. Tứ Trưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
175	N.V.QUÝ	1969	Nam	TT. Tứ Trưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
176	P.T.TÔN	1948	Nam	An Tường	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
177	N.V.NỘI	1959	Nam	An Tường	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
178	N.V.CHUNG	1977	Nam	Bình Dương	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
179	C.T.TẠ	1955	Nữ	Lũng Hòa	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
180	C.T.H.TRANG	2001	Nữ	Chấn Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
181	N.D.ĐÔNG	1979	Nam	Vĩnh Thịnh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
182	B.A.HIẾU	2002	Nam	Thượng Trưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
183	N.T.QUYẾT	1989	Nữ	Yên Phương	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
184	T.T.HƯƠNG	1983	Nữ	Tề Lỗ	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
185	N.T.TÙNG	1997	Nam	Đông Cương	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
186	N.P.ANH	2015	Nam	Nguyệt Đức	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
187	N.X.ĐỊNH	1964	Nam	Nguyệt Đức	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
188	N.P.THỦY	2012	Nữ	Nguyệt Đức	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
189	N.H.ĐĂNG	1994	Nam	Nguyệt Đức	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
190	Đ.H.HOÀNG	2019	Nam	Trung Hà	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
191	Đ.N.TÚ	1983	Nam	TT. Yên Lạc	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
192	Đ.T.HẠNH	1988	Nữ	Tam Hồng	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
193	V.K.CHỦNG	1969	Nam	Trung Kiên	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
194	L.M.CHIÊN	2022	Nam	Yên Đồng	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
195	T.H.NAM	2000	Nam	Nguyệt Đức	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
196	P.Q.VINH	1975	Nam	Tam Hồng	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
197	N.T.M.PHƯƠNG	1989	Nữ	Đồng Cương	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
198	N.T.HÀ	1983	Nữ	Đồng Cương	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
199	T.T.LUẬN	1977	Nữ	Đồng Cương	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
200	T.T.TUYẾT	1998	Nữ	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
201	T.V.SƠN	1994	Nam	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
202	C.T.NGA	1976	Nữ	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
203	T.Đ.DƯƠNG	2018	Nam	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
204	T.V.HỮU	1990	Nữ	Nguyệt Đức	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
205	N.T.HUYỀN	1987	Nam	Nguyệt Đức	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
206	T.V.CHỈNH	1979	Nam	Nguyệt Đức	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
207	D.T.DUNG	1982	Nữ	TT. Yên Lạc	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
208	N.T.THỎAN	1974	Nữ	Xuân Hòa	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
209	D.T.SANG	1951	Nữ	Cao Minh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
210	N.Đ.PHÚC	2009	Nam	Trung Trắc	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
211	N.P.LÂM	2010	Nam	Trung Trắc	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
212	N.T.HÂN	1987	Nữ	Trung Trắc	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
213	P.G.HUY	2014	Nam	Trung Trắc	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
214	N.T.CHINH	1971	Nữ	Hùng Vương	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
215	N.V.TÍNH	1966	Nam	Nam Viêm	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
216	D.Q.ĐĂNG	2004	Nam	Xuân Hòa	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
217	D.H.ĐĂNG	2020	Nam	Cao Minh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
218	N.X.ĐỀ	1987	Nam	Phúc Thắng	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
219	N.M.TRÍ	2001	Nam	Phúc Thắng	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
220	H.V.TÀI	2001	Nam	Ngọc Thanh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
221	N.Đ.QUYỀN	1999	Nam	Ngọc Thanh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
222	D.V.TUẤN	1988	Nam	Ngọc Thanh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
223	L.X.TUẤN	2003	Nam	Cao Minh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
224	N.T.HẰNG	1976	Nữ	Xuân Hòa	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
225	P.Đ.SÁNG	1985	Nam	Ngọc Thanh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
226	H.A.TUẤN	1984	Nam	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
227	N.T.HÀ	1985	Nữ	Đồng Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
228	D.V.TOÀN	1994	Nam	Định Trung	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
229	N.V.MẠNH	1986	Nam	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
230	N.T.HẢI	1931	Nữ	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
231	Đ.T.K.YẾN	1982	Nữ	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
232	N.T.HẢI	1984	Nam	Đồng Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
233	N.T.SỞ	1954	Nữ	Đồng Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
234	N.T.NGA	2008	Nữ	Đồng Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
235	H.V.ĐÌNH	1987	Nam	Khai Quang	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
236	N.V.THẮNG	1988	Nam	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
237	N.T.T.HÀ	1997	Nữ	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
238	N.T.M.HƯƠNG	1998	Nữ	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
239	P.T.HUYỀN	1992	Nữ	Đồng Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
240	P.T.LIÊN	1982	Nữ	Định Trung	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
241	V.T.LOAN	1992	Nữ	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
242	C.Q.KHẢI	1980	Nam	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
243	L.T.NGA	1988	Nữ	Thanh Trù	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
244	N.V.CHIẾN	1988	Nam	Thanh Trù	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
245	N.V.DŨNG	1985	Nam	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
246	K.H.THUẬN	1958	Nữ	Khai Quang	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
247	L.T.HẰNG	1957	Nữ	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
248	N.T.MAI	1974	Nữ	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
249	C.B.AN	2020	Nữ	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
250	N.H.DŨNG	2013	Nam	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
251	N.A.TUẤN	1993	Nam	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
252	P.T.T.HẰNG	1993	Nữ	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
253	N.M.VŨ	2018	Nam	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
254	P.T.CHIẾN	1966	Nữ	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
255	Đ.T.T.PHƯƠNG	2002	Nữ	Thanh Trù	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
256	N.Q.HUY	1993	Nam	Khai Quang	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
257	H.T.H.HẠNH	2013	Nữ	Định Trung	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
258	H.T.LÊ	1978	Nữ	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
259	N.V.DƯƠNG	1993	Nam	Đồng Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
260	H.T.THƯƠNG	1995	Nữ	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
261	P.Đ.DUY	2000	Nam	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng Đồng
262	L.Đ.CÔNG	1982	Nam	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng Đồng
263	L.T.HUYỀN	1958	Nữ	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng Đồng
264	L.T.HỒNG	1985	Nữ	Khai Quang	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
265	P.T.NHỊ	1990	Nữ	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
266	N.N.HẢI	1996	Nam	Định Trung	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
267	N.T.HÀ	1968	Nữ	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
268	V.S.ĐẠT	2003	Nam	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
269	N.T.B.HƯỜNG	1985	Nữ	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
270	N.T.KHÁNH	1982	Nữ	Đông Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly

Phụ lục 2:
TÌNH HÌNH CÁC CƠ SỞ ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN COVID-19
(Kèm theo Bản tin ngày 20/01/2022 của Sở TT&TT)

STT	Cơ sở điều trị COVID-19	Cũ	Vào	Ra	Hiện có
1	BVDC số 1	93	0	4	89
2	BVDC số 2	93	8	0	101
3	Bình Xuyên (Cơ sở 1)	46	12	2	56
4	Bình Xuyên (Cơ sở 2)	676	10	19	667
5	Lập Thạch (Cơ sở 1)	12	9	0	21
6	Lập Thạch (Cơ sở 2)	86	2	19	69
7	Phúc Yên (Cơ sở 1)	34	0	0	34
8	Phúc Yên (Cơ sở 2)	164	14	8	170
9	Sông Lô (Cơ sở 1)	5	0	2	3
10	Sông Lô (Cơ sở 2)	43	12	0	55
11	Tam Dương (Cơ sở 1)	58	2	0	60
12	Tam Dương (Cơ sở 2)	99	11	5	105
13	Tam Đảo (Cơ sở 1)	46	0	3	43
14	Tam Đảo (Cơ sở 2)	123	4	6	121
15	Vĩnh Tường (Cơ sở 1)	67	3	0	70
16	Vĩnh Tường (Cơ sở 2)	81	5	5	81
17	Vĩnh Tường (Cơ sở 3)	162	0	5	157
18	Vĩnh Tường (Cơ sở 4)	40	31	0	71
19	Vĩnh Yên	258	78	0	336
20	Yên Lạc (Cơ sở 1)	96	0	9	87
21	Yên Lạc (Cơ sở 2)	137	10	0	147
22	Bệnh viện 74 Trưng vương	0	0	0	0
23	Bệnh viện Nhiệt đới TƯ	8	0	0	8
24	Đang cách ly tạm thời tại các cơ sở cách ly y tế	97	270	271	96
Tổng số		2.524	481	358	2.647